TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Số: 651 /MB - TCKT
V/v: CBTT Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 (đã kiểm toán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Kính gửi:
-Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 04.35378256 Fax: 04.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Phó Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố

6.1 Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được lập ngày 31/07/2017 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán).

6.2 Giải trình chênh lệch LNST giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2017 giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2016, do nguyên nhân sau:

- Lượng cung của mặt hàng phân bón trong nước dư thừa (đặc biệt là mặt hàng Urea), các nhà sản xuất và nhập khẩu đua nhau giảm giá.
- Do thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá bán thực tế của Công ty 06 tháng đầu năm 2017 thấp hơn giá bán kế hoạch.

Vì lý do nêu trên làm cho lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm 2016.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pmb.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận;
- Như trên;
- HĐQT, BKS, GĐ (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Đính kèm:
BCTC 06 tháng đầu năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Trần Nguyễn

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Ủy viên
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0102886450 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax: +84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 2M /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2017, từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 7 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**164.779.953.511**	**170.581.669.614**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**131.741.257.835**	**150.834.263.839**
1. Tiền	111		28.910.016.448	10.914.773.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.831.241.387	139.919.490.056
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**26.427.230.825**	**12.510.311.433**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.988.788.363	9.484.726.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	21.054.936.617	2.588.590.364
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		383.505.845	436.994.799
III. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**5.330.561.030**	**6.974.580.760**
1. Hàng tồn kho	141		5.330.561.030	7.021.099.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(46.518.524)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.280.903.821**	**262.513.582**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.280.903.821	262.513.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**21.141.845.289**	**22.356.455.321**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**103.374.000**	**98.374.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		103.374.000	98.374.000
II. Tài sản cố định	**220**		**16.432.064.333**	**17.759.237.907**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	16.375.817.028	17.691.704.136
- Nguyên giá	*222*		*34.634.014.830*	*34.710.443.256*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.258.197.802)*	*(17.018.739.120)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		56.247.305	67.533.771
- Nguyên giá	*228*		*116.950.000*	*116.950.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(60.702.695)*	*(49.416.229)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.606.406.956**	**4.498.843.414**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.524.749.637	2.869.401.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	3.081.657.319	1.629.442.263
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**185.921.798.800**	**192.938.124.935**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**36.270.448.960**	**38.098.559.057**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**33.870.448.960**	**38.098.559.057**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.070.830.637	8.768.222.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	7.718.251.758	7.938.980.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.564.491.406	2.285.538.267
4. Phải trả người lao động	314		612.009.748	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	6.717.130.834	3.871.248.215
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.701.909.590	12.211.334.782
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.485.824.987	3.023.235.338
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.400.000.000**	**-**
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.400.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**149.651.349.840**	**154.839.565.878**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**149.651.349.840**	**154.839.565.878**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*120.000.000.000*	*120.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.618.680.260	24.806.896.298
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*10.383.608.638*	*9.302.238.846*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*9.235.071.622*	*15.504.657.452*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**185.921.798.800**	**192.938.124.935**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Tiến Hưng	**Trần Anh Dũng**	**Nguyễn Ngọc Luận**

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B 02a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**832.134.753.357**	**776.552.535.817**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	11.332.936.523	13.026.229.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**18**	**820.801.816.834**	**763.526.305.945**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	777.733.458.895	715.142.406.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**43.068.357.939**	**48.383.899.720**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.446.892.698	1.323.402.674
7. Chi phí bán hàng	25	21	22.224.241.119	21.600.866.819
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.165.214.546	8.058.109.139
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	**30**		**14.125.794.972**	**20.048.326.436**
10. Thu nhập khác	31		304.004.438	51.596.109
11. Lợi nhuận khác (40=31)	**40**		**304.004.438**	**51.596.109**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**14.429.799.410**	**20.099.922.545**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	4.338.174.938	2.180.783.958
14. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.452.215.056)	1.857.990.882
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**11.543.839.528**	**16.061.147.705**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**23**	**770**	**1.165**

Nguyễn Tiến Hưng	**Trần Anh Dũng**	**Nguyễn Ngọc Luận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***14.429.799.410***	***20.099.922.545***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.327.173.574	1.320.837.032
Các khoản dự phòng	03	(46.518.524)	(3.000)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.470.019.971)	(1.323.402.674)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***14.240.434.489***	***20.097.353.903***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(14.289.173.816)	(22.142.635.598)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.690.538.254	17.929.188.747
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.851.126.875)	29.595.661.643
Thay đổi chi phí trả trước	12	595.381.275	325.828.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.777.747.809)	(3.581.109.511)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.286.700.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.703.453.521)	(2.805.685.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(6.095.148.003)***	***42.705.302.827***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(269.120.000)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.127.273	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.648.134.726	1.537.933.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.402.141.999***	***1.537.933.570***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.400.000.000)	(17.402.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(14.400.000.000)***	***(17.402.625.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(19.093.006.004)**	**26.840.611.397**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**150.834.263.839**	**103.536.737.376**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**131.741.257.835**	**130.377.348.773**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Tiến Hưng	**Trần Anh Dũng**	**Nguyễn Ngọc Luận**

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 76 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 73 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	29.865.756	191.395.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.880.150.692	10.723.378.625
Các khoản tương đương tiền (*)	102.831.241.387	139.919.490.056
	131.741.257.835	**150.834.263.839**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng đến dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.991.278.826	3.484.092.883
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	70.092.696	2.541.553.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hồng Thắng	-	1.403.964.950
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	1.012.643.980	1.223.060.690
Các khách hàng khác	914.772.861	832.054.247
	4.988.788.363	**9.484.726.270**
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	**2.991.278.826**	**3.484.092.883**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	20.439.133.413	2.456.379.664
Các nhà cung cấp khác	615.803.204	132.210.700
	21.054.936.617	**2.588.590.364**
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	**20.439.133.413**	**2.456.379.664**

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	21.132.566	-	51.986.537	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	462.868.919	-	-	-
Hàng hoá	4.846.559.545	-	6.969.112.747	(46.518.524)
Cộng	**5.330.561.030**	**-**	**7.021.099.284**	**(46.518.524)**

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	**28.077.312.198**	**128.128.000**	**3.970.743.617**	**1.990.966.241**	**543.293.200**	**34.710.443.256**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(76.428.426)	-	(76.428.426)
Số dư cuối kỳ	**28.077.312.198**	**128.128.000**	**3.970.743.617**	**1.914.537.815**	**543.293.200**	**34.634.014.830**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	**12.272.713.603**	**32.032.002**	**2.721.331.396**	**1.686.780.606**	**305.881.513**	**17.018.739.120**
Khấu hao trong kỳ	979.668.612	15.884.361	190.165.706	62.814.955	67.353.474	1.315.887.108
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(76.428.426)	-	(76.428.426)
Số dư cuối kỳ	**13.252.382.215**	**47.916.363**	**2.911.497.102**	**1.673.167.135**	**373.234.987**	**18.258.197.802**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	**15.804.598.595**	**96.095.998**	**1.249.412.221**	**304.185.635**	**237.411.687**	**17.691.704.136**
Tại ngày cuối kỳ	**14.824.929.983**	**80.211.637**	**1.059.246.515**	**241.370.680**	**170.058.213**	**16.375.817.028**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.020.652.596 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.097.081.022 đồng).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	-	987.036.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.524.749.637	1.882.364.251
	1.524.749.637	**2.869.401.151**

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Chiết khấu thương mại tạm tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	**774.249.643**	**855.192.620**	**1.629.442.263**
Hoàn nhập thu nhập thuế thu nhập hoãn lại năm trước	(774.249.643)	(855.192.620)	(1.629.442.263)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong kỳ	1.269.910.499	1.811.746.820	3.081.657.319
Tại ngày cuối kỳ	**1.269.910.499**	**1.811.746.820**	**3.081.657.319**

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số đầu kỳ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	85.500.000	85.500.000	6.586.324.931	6.586.324.931
Các nhà cung cấp khác	2.985.330.637	2.985.330.637	2.181.897.100	2.181.897.100
	3.070.830.637	**3.070.830.637**	**8.768.222.031**	**8.768.222.031**
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	**322.403.750**		**6.586.324.931**	

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	2.579.501.767	1.030.235.000
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Cường Liên	1.637.760.000	36.252.000
Công ty Cổ phần Phùng Hưng	595.427.133	-
Công ty Cổ phần Phân bón Phủ Quỳ	554.162.320	679.762.394
XN Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 – CN Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh	8.502.633	1.983.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	-	3.738.000.000
Các khách hàng khác	2.342.897.905	471.231.030
	7.718.251.758	**7.938.980.424**
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	**1.409.998.589**	**405.584.408**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Tại ngày đầu kỳ	Lũy kế trong kỳ		Tại ngày cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán	86.825.541	158.121.123	149.393.739	95.552.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.871.816.352	4.338.174.938	3.777.747.809	2.432.243.481
Thuế thu nhập cá nhân	326.896.374	767.737.382	1.057.938.756	36.695.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**2.285.538.267**	**5.267.033.443**	**4.988.080.304**	**2.564.491.406**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	6.417.967.179	3.725.174.004
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	299.163.655	146.074.211
	6.717.130.834	**3.871.248.215**

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Chiết khấu thương mại	9.058.734.101	4.275.963.100
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	7.660.000.000
Kinh phí công đoàn	62.448.847	67.350.608
Phải trả ngắn hạn khác	480.726.642	208.021.074
	9.701.909.590	**12.211.334.782**
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.400.000.000	-
	2.400.000.000	**-**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**120.000.000.000**	**8.999.025.750**	**29.086.251.184**	**158.085.276.934**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	16.061.147.705	16.061.147.705
Trích quỹ	-	-	(4.995.761.879)	(4.995.761.879)
Trả cổ tức	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	**120.000.000.000**	**8.999.025.750**	**22.151.637.010**	**151.150.662.760**
Số dư đầu kỳ này	**120.000.000.000**	**10.032.669.580**	**24.806.896.298**	**154.839.565.878**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11.543.839.528	11.543.839.528
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.332.055.566)	(2.332.055.566)
Chia cổ tức (i)	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư cuối kỳ này	**120.000.000.000**	**10.032.669.580**	**19.618.680.260**	**149.651.349.840**

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 15/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017, cổ tức năm 2016 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 14.400.000.000 đồng. Số cổ tức trên đã được Công ty thanh toán hết bằng tiền trong kỳ. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 với số tiền là 23.287.660 đồng, tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 với số tiền là 2.308.767.906 đồng tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75,00%	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	30.000.000.000	25,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
	120.000.000.000	**100%**	**120.000.000.000**	**120.000.000.000**

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	614.277.487.500	619.498.367.000
Doanh thu hàng hóa khác	205.491.218.500	144.915.988.526
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.366.047.357	12.138.180.291
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**832.134.753.357**	**776.552.535.817**
Chiết khấu thương mại	(11.332.936.523)	(13.026.229.872)
Doanh thu thuần	**820.801.816.834**	**763.526.305.945**
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	**198.660.579.264**	**260.638.159.087**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	572.990.983.111	564.681.461.768
Giá vốn hàng hóa khác	193.289.112.110	139.325.347.839
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.453.363.674	11.135.596.618
	777.733.458.895	**715.142.406.225**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	14.423.136.363	13.669.281.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.327.173.574	1.320.837.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.666.600.781	19.372.546.521
Chi phí khác bằng tiền	1.874.186.824	2.055.536.375
	52.291.097.542	**36.418.201.328**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.985.448.439	9.392.962.909
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.760.680.845	2.430.042.988
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.478.111.835	9.777.860.922
	22.224.241.119	**21.600.866.819**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	4.437.687.924	4.276.318.491
Chi phí thuê văn phòng	1.080.536.900	987.036.900
Chi phí quản lý nộp Tổng Công ty	606.994.596	1.040.657.821
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.039.995.126	1.754.095.927
	8.165.214.546	**8.058.109.139**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**14.429.799.410**	**20.099.922.545**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chi phí chiết khấu và chi phí trích trước	*23.850.221.567*	-
Trừ: Các khoản chi phí được khấu trừ	-	-
Chi phí chiết khấu tạm tính và chi phí trích trước kỳ trước đã đủ điều kiện ghi nhận kỳ này	*16.589.146.285*	*8.445.413.098*
Thu nhập chịu thuế	**21.690.874.692**	**11.654.509.447**
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**4.338.174.938**	**2.161.993.626**
Thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ trước bổ sung	-	18.790.332
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.338.174.938**	**2.180.783.958**

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**11.543.839.528**	**16.061.147.705**
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.308.767.906)	(2.078.931.490)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**9.235.071.622**	**13.982.216.215**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**770**	**1.165**

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	987.036.900	987.036.900

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Toàn Xuân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**198.660.579.264**	**260.638.159.087**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.732.989.781	9.050.563.900
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.273.302.610
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	354.600.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	50.880.470.133	59.351.898.325
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	10.072.936.860	6.227.885.200
Công ty TNHH Toản Xuân	-	19.720.400.000
Công ty TNHH Hồng Thành	15.234.575.350	14.100.172.800
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	14.686.597.660	10.986.782.114
Công ty TNHH Bằng Tuyên	14.786.072.110	17.972.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	2.047.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	47.917.478.510	52.248.049.677
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	34.349.458.860	24.919.963.051
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	41.384.541.410
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	**755.061.858.269**	**697.517.675.878**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	754.224.008.269	575.936.897.821
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	837.850.000	121.580.778.057

Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.020.231.846	2.473.855.074
	2.020.231.846	**2.473.855.074**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	**2.991.278.826**	**3.484.092.883**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.991.278.826	3.484.092.883
Trả trước nhà cung cấp	**20.439.133.413**	**2.456.379.664**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	20.439.133.413	2.456.379.664
Phải thu khác	**-**	**211.480.260**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	211.480.260
Phải trả nhà cung cấp	**322.403.750**	**6.586.324.931**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	85.500.000	6.586.324.931
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	30.000.000	-
Công ty TNHH Hồng Thành	12.000.000	-
Công ty TNHH Bằng Tuyên	33.903.750	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	48.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	83.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước	**1.409.998.589**	**405.584.408**
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	437.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	176.798.500	186.509.598
Công ty TNHH Bằng Tuyên	468.051.291	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	312.214.754	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	6.784.444	91.693.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Bắc	8.649.600	62.346.440
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	-	65.035.370

Nguyễn Tiến Hưng	**Trần Anh Dũng**	**Nguyễn Ngọc Luận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 31 tháng 7 năm 2017